

CÔNG TY TNHH OS CARE VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH OS CARE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OS CARE VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: OS CARE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0314515024

3. Ngày thành lập: 13/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 30/39 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)	1075
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
3.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
4.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (không hoạt động tại trụ sở)	1420
5.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở và không gia công hàng qua sử dụng)	1430
6.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe (không hoạt động tại trụ sở)	2930
7.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810(Chính)
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9.	Sản xuất linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở)	2610
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	1622
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
15.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	2599
16.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
17.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không hoạt động tại trụ sở)	3250
18.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở)	1103
19.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)	1104
20.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (không hoạt động tại trụ sở)	2391
21.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (không hoạt động tại trụ sở)	2393
22.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
23.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
24.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở)	1621
27.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395
28.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở)	1701
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
30.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2394
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở)	1629
32.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2013
33.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	2392
34.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (không hoạt động tại trụ sở)	2396

35.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải giấy, sản xuất bột giấy, nhựa, kim loại tại trụ sở).	1702
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
37.	Phá dỡ	4311
38.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
39.	Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
40.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1623
41.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở)	1410
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; Trừ bán buôn hóa chất, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở) thực hiện theo Quyết định 64/2009/QDD-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QDD-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4669
43.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ TÚY ANH	Khu phố 4, Thị Trấn Hòa Vinh, Huyện Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	1.800.000.000	90,000	221241998	
2	TRẦN TIẾN ĐẠT	Thôn Phú Khê 2, Xã Hòa Xuân Đông, Huyện Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	200.000.000	10,000	221201363	

Thời gian đăng từ ngày 13/07/2017 đến ngày 12/08/2017

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ TÚY ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 221241998

Ngày cấp: 14/04/2017

Nơi cấp: Công an Phú Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, Thị trấn Hòa Vinh, Huyện Đông Hoà,
Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 30/39 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh